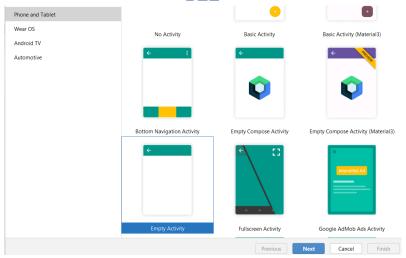
Thiết kế ứng dụng có khả scan, Pair/unpair thiết bị Bluetooth khả dụng và truyền nhận dữ liệu qua BLE



Đặt tên project là **BLUETOOTHControl** và lưu tại folder **BLUETOOTHControl** *Mở AndroidManifest.xml và điền 4 dòng lệnh cấp quyền bluetooth*

<uses-permission android:name="android.permission.BLUETOOTH_ADMIN" />

<uses-permission android:name="android.permission.BLUETOOTH" />

<uses-permission android:name="android.permission.BLUETOOTH_CONNECT" />

<uses-permission android:name="android.permission.BLUETOOTH_SCAN" />

<uses-permission android:name="android.permission.ACCESS FINE LOCATION" />

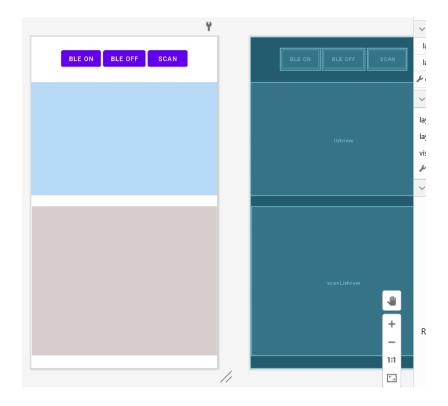
<uses-permission android:name="android.permission.ACCESS_COARSE_LOCATION" />

<uses-permission android:name="android.permission.BLUETOOTH_BOND" />

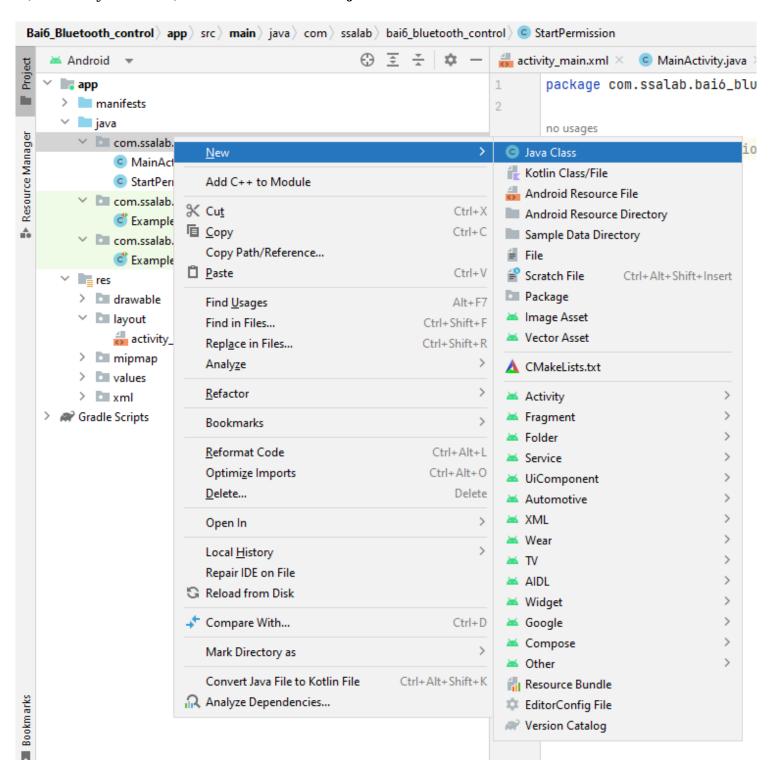
Mở activity main.xml để thiết kế giao diện với 3 button và 2 listview

Sử dụng constraintlayout hoặc bất kỳ layout nào để thiết kế.

Gọi 3 button đặt id lần lượt là **btON**, **btOFF**, **btScan** (tương ứng text là **BLE ON**, **BLE OFF**, **SCAN**) như hình. 2 listview có ID lần lượt là **listview** và **scanListview**



Tạo 1 class java mới đặt tên là StartPermision.java



Tiếp tục lập trình yêu cầu người dùng kích hoạt quyền truy cập các phân quyền bluetooth trong class **StartPermision.java**

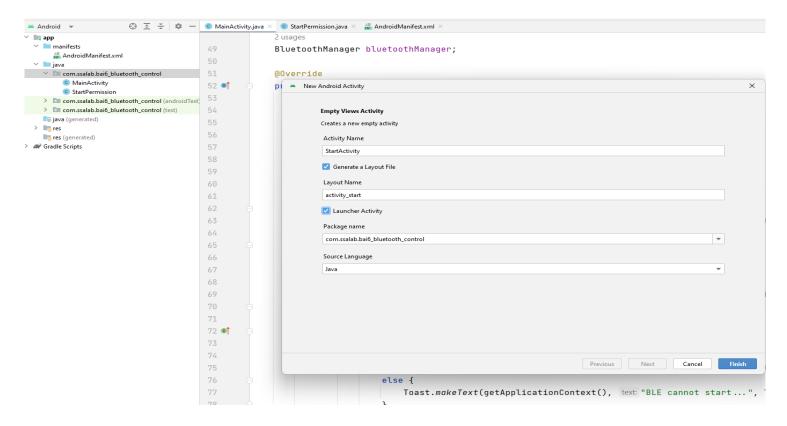
```
import androidx.core.app.ActivityCompat;
import androidx.core.content.ContextCompat;
public class StartPermission {
    no usages
   public static boolean requestBluetoothPermissions(Activity activity)
        boolean needPermission = false;
        if (Build. VERSION. SDK_INT >= 31) {
            if (ContextCompat.checkSelfPermission(activity, android.Manifest.permission.BLUETOOTH_CONNECT) == PackageManager.PERMISSION_DENIED) {
                needPermission = true;
            if (ContextCompat.checkSelfPermission(activity, android.Manifest.permission.ACCESS_FINE_LOCATION) == PackageManager.PERMISSION_DENIED) {
                needPermission = true:
            if (ContextCompat.checkSelfPermission(activity, android.Manifest.permission.BLUETOOTH_SCAN) == PackageManager.PERMISSION_DENIED) {
                needPermission = true;
            if (needPermission) {
                ActivityCompat.requestPermissions(activity, new String[]{
                        android.Manifest.permission.BLUETOOTH_CONNECT,
                        android.Manifest.permission.ACCESS_FINE_LOCATION,
                        android.Manifest.permission.BLUETOOTH_SCAN
                }. requestCode: 100):
        return needPermission;
```

Lưu ý: Một số máy android đời cao từ API>= 33 trở lên phải bật quyền vị trí

Tạo 1 activity khởi động để check quyền có tên là StartActivity.java và layout tương ứng là



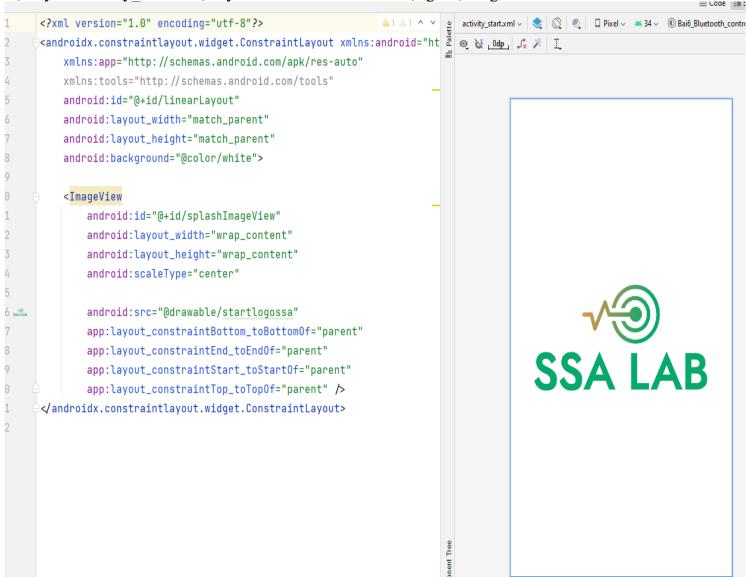
, đồng thời click chọn launcher activity:



Tại activity StartActivity.java, lập trình chuyển activity và check quyền ở trong luồng chính (oncreate) của StartActivity.java:

```
boolean start = StartPermission.requestBluetoothPermissions( activity: this);
if(start)
    new AlertDialog.Builder( context: StartActivity.this)
            .setTitle("Request Bluetooth Permissions")
            .setMessage("Checked Permission?")
             .setPositiveButton( text: "Yes", new DialogInterface.OnClickListener() {
                @Override
                public void onClick(DialogInterface dialogInterface, int i) {
                     Intent mainIntent = new Intent( packageContext: StartActivity.this, MainActivity.class);
                     startActivity(mainIntent);
                     finish(); // Đóng màn hình khởi động
            })
            .setNegativeButton( text: "No", listener: null)
            .show();
}
else
{
    new Handler().postDelayed(new Runnable() {
        @Override
        public void run() {
            // Chuyển đến màn hình chính sau khi kết thúc thời gian hiển thị
            Intent mainIntent = new Intent( packageContext: StartActivity.this, MainActivity.class);
            startActivity(mainIntent);
            finish(); // Đóng màn hình khởi động
    }, delayMillis: 1000); // Thời gian hiển thị (ms)
Toast.makeText(getApplicationContext(), text "Started", Toast.LENGTH_SHORT).show();
```

Tại layout activity_start.xml, hãy thiết kế màn hình khởi động hoặc logo chào:



Mở MainActivity.java

- Import thư viện

```
import androidx.activity.result.ActivityResult;
import androidx.activity.result.ActivityResultCallback;
import androidx.activity.result.ActivityResultLauncher;
import androidx.activity.result.contract.ActivityResultContracts;
import androidx.appcompat.app.AlertDialog;
import androidx.appcompat.app.AppCompatActivity;
import androidx.core.app.ActivityCompat;
import androidx.core.content.ContextCompat;
import android.Manifest;
import android.annotation.SuppressLint;
import android.bluetooth.BluetoothAdapter;
import android.bluetooth.BluetoothDevice;
import android.bluetooth.BluetoothManager;
import android.bluetooth.BluetoothSocket;
import android.content.BroadcastReceiver;
import android.content.Context;
import android.content.DialogInterface;
import android.content.Intent;
import android.content.IntentFilter;
import android.content.pm.PackageManager;
import android.os.Build;
import android.os.Bundle;
import android.os.Handler;
import android.view.View;
import android.widget.AdapterView;
import android.widget.ArrayAdapter;
import android.widget.Button;
import android.widget.ListView;
import android.widget.Toast;
import java.io.OutputStream;
import java.lang.reflect.Method;
import java.util.ArrayList;
import java.util.HashSet;
import java.util.List;
import java.util.Set;
```

- Khai báo đối tương

```
8 usages
ListView listView, scanListview;
2 usages
Button btON, btOFF, btSCAN;
2 usages
Intent intOnBLE;
2 usages
ActivityResultLauncher<Intent> EnableBLE;
9 usages
ArrayList<String> stringArrayList = new ArrayList
ArrayAdapter<String> arrayAdapter1;
12 usages
BluetoothAdapter bluetoothAdapter;
2 usages
BluetoothManager bluetoothManager;
```

- Gán đối tượng trong hàm onCreate

```
bt0N = findViewById(R.id.bt0N);
bt0FF = findViewById(R.id.bt0FF);
btSCAN = findViewById(R.id.btSCAN);
bluetoothManager = (BluetoothManager) getSystemService(Context.BLUETOOTH_SERVICE);
listView = findViewById(R.id.listview);
scanListview = findViewById(R.id.scanListview);
boolean start = StartPermission.requestBluetoothPermissions(activity: this);
if ( start)
{
    Toast.makeText(getApplicationContext(), text "Hãy khởi động lại APP...", Toast.LENGTH_LONG).show();
    return;
}
```

- Kiểm tra và thiết lập quyền truy cập bluetooth. Lưu ý: thiết lập API>31 sau đó dùng **intent** kích hoạt BLuetooth

- Vẫn trong onCreate, kích hoạt sự kiện click button bật Bluetooth

- Tiếp tục với sự kiện click off bluetooth

⇒ Đến bước này phải kích hoạt được on/off BLE là được.

- Tiếp tục với sự kiện click scan và hiển thị bluetooth. Viết chương trình click button SCAN

```
btSCAN.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {
    @SuppressLint("MissingPermission")
    @Override
    public void onClick(View view) {
        bluetoothAdapter.startDiscovery();
        listView.setAdapter(null);
        scanListview.setAdapter(null);
        stringArrayList.clear();
        showBLEconnect();
    }
}
```

- Ở ngoài OnCreate(), xây dựng hàm showBLEconnect hiển thị lên listview và scanlistview

```
@SuppressLint("MissingPermission")
private void showBLEconnect() {
   @SuppressLint("MissingPermission") Set<BluetoothDevice> pairedDevices = bluetoothAdapter.getBondedDevices();
   String[] str = new String[pairedDevices.size()];
   // Tạo một ArrayList mới để lưu trữ danh sách các thiết bị Bluetooth đã kết nối
   ArrayList<String> connectedDevices = new ArrayList<);
   arrayAdapter1 = new ArrayAdapter<String>(getApplicationContext(), android.R.layout.simple_list_item_1, stringArrayList);
   int index = 0;
   if (pairedDevices.size() ≥ 0) {
       try {
           for (BluetoothDevice device : pairedDevices) {
               str[index] = device.getName() + "\n" + device.getAddress();
               connectedDevices.add(str[index]); // Thêm vào danh sách các thiết bị đã kết nối
               index++:
           // Loại bỏ các phần tử đã tồn tại trong connectedDevices khỏi stringArrayList
           stringArrayList.removeAll(connectedDevices);
           ArrayAdapter<String> arrayAdapter = new ArrayAdapter ← (getApplicationContext(), android.R.layout.simple_list_item_1, str);
           listView.setAdapter(arrayAdapter);
       } catch (Exception exception) {
   scanListview.setAdapter(arrayAdapter1);
```

- Ở ngoài OnCreate(), xây dựng hàm scan BLE bằng cách phát quảng bá:

```
BroadcastReceiver broadcastReceiver = new BroadcastReceiver() {
                                                                                                                           A 29 ★ 26 ^ ·
      @SuppressLint("MissingPermission")
      @Override
      public void onReceive(Context context, Intent intent) {
          String action = intent.getAction();
          if (BluetoothDevice.ACTION_FOUND.equals(action)) {
              BluetoothDevice device = intent.getParcelableExtra(BluetoothDevice.EXTRA_DEVICE);
              stringArrayList.add(device.getName() + "\n" + device.getAddress());
               // Khai báo HashSet để theo dõi các phần tử đã thêm vào danh sách
              HashSet<String> uniqueItems = new HashSet ◇();
              for (String item : stringArrayList) {
                   // Thêm phần tử vào HashSet, nếu nó chưa tồn tại
                  uniqueItems.add(item);
              }
               // Xóa toàn bộ phần tử trong stringArrayList
              stringArrayList.clear();
               // Thêm lại các phần tử đã loại bỏ trùng lặp từ HashSet vào stringArrayList
              stringArrayList.addAll(uniqueItems);
              ArrayAdapter<String> adapter = (ArrayAdapter<String>) listView.getAdapter();
              if(adapter \neq null)
              {
                   for (int \underline{i} = 0; \underline{i} < adapter.getCount(); <math>\underline{i} + +) {
                       if(adapter.getItem(<u>i</u>).equals(device.getName() + "\n" + device.getAddress()))//LOAI BO PHÂN TỪ ĐÃ PAIRED
                           stringArrayList.remove( o: device.getName() + "\n" + device.getAddress());
                       }
              arrayAdapter1.notifyDataSetChanged();
          }
```

- Trong OnCreate(), dùng intentFilter để kích hoạt quét và hiển thị device BLE được tìm thấy:

```
IntentFilter intentFilter = new IntentFilter(BluetoothDevice.ACTION FOUND);
registerReceiver(broadcastReceiver, intentFilter);
```

Ở Ngoài luồng chính trong MainActivity.java, lập trình hủy quảng báo khi app thoát:

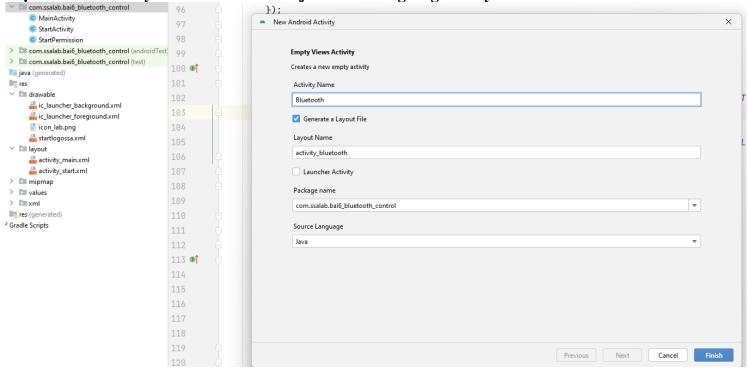
```
@Override
protected void onDestroy() {
    super.onDestroy();
    unregisterReceiver(broadcastReceiver);
}
```

Đến bước này chạy thử thì phải hiển thị được list thiết bị đã pair và chưa pair sau khi nhấn Scan thì sang Phần II.

Phần II: Tương tác ghép đôi và bỏ ghép đôi



Tạo thêm 1 activity có tên là Bluetooth.java và tương ứng với layout

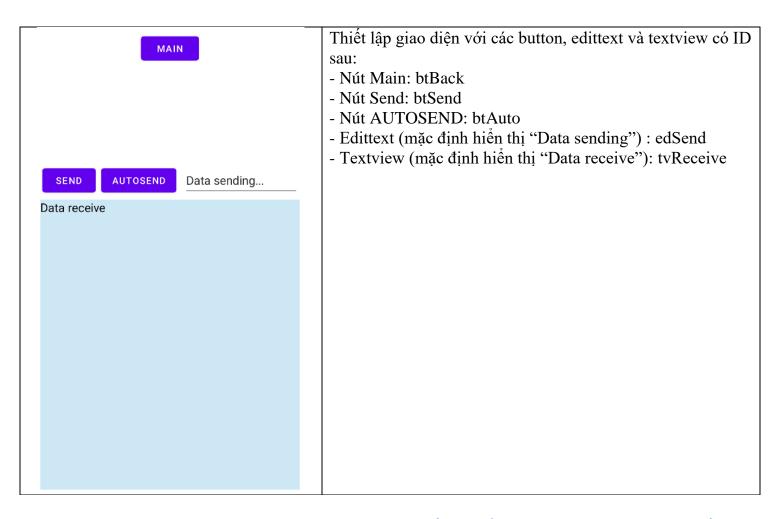


N++/

Thiết kế giao diện

activity_bluetooth.xml

như hình:



Quay trở lại MainActivity.java, lập trình Thao tác các phần tử hiển thị trên listview chứa các thiết bị đã paired, click để chuyển sang Bluetooth.java

```
listView.setOnItemClickListener(new AdapterView.OnItemClickListener() {
                                      @SuppressLint("MissingPermission")
                                      @Override
                                       public void onItemClick(AdapterView<?> adapterView, View view, int position, long l) {
                                           // Lấy adapter từ ListView
                                           ArrayAdapter<String> adapter = (ArrayAdapter<String>) listView.getAdapter();
                                           // Lấy danh sách các mục từ adapter
                                           List<String> Listitems = new ArrayList♦();
                                           for (int \underline{i} = 0; \underline{i} < adapter.getCount(); \underline{i}++) {
                                               Listitems.add(adapter.getItem(<u>i</u>));
                                           }
                                           String selectedItem = Listitems.get(position);
                                           String[] parts = selectedItem.split( regex: "\n");
                                           if (parts.length ≥ 2) {
                                               String deviceName = parts[0];
                                               String deviceAddress = parts[1];
                                               Intent intent = new Intent( packageContext MainActivity.this, Bluetooth.class);
                                               intent.putExtra( name: "DEVICE_ADDRESS", deviceAddress);
                                               startActivity(intent);
                                  }
);
scanListview.setAdapter(arrayAdapter1);
```

Lập trình nhấn giữ 1 vị trí trên listview để bỏ pair. Đầu tiên, lập trình hàm unpair ở ngoài luồng chính trong MainActivity.java:

```
private void unpairDevice(BluetoothDevice device) {
    try {
        Method method = device.getClass().getMethod( name: "removeBond", (Class[]) null);
        method.invoke(device, (Object[]) null);
    } catch (Exception e) {
        e.printStackTrace();
    }
}
```

Quay trở lại luồng chính, lập trình nhấn giữ 1 vị trí trên listview để bỏ pair:

```
listView.setOnItemLongClickListener(new AdapterView.OnItemLongClickListener() {
    private static final long LONG_PRESS_DURATION = 1500; // Thời gian giữ lâu (đơn vị mili giây)
    private Handler handler = new Handler();
    3 usages
    private boolean isLongPress = false;
    @Override
    public boolean onItemLongClick(AdapterView<?> adapterView, View view, int position, long l) {
        isLongPress = true;
        handler.postDelaved(new Runnable() {
            public void run() {
                if (isLongPress) {
                    ArrayAdapter<String> adapter = (ArrayAdapter<String>) listView.getAdapter();
                    List<String> listItems = new ArrayList⇔();
                    for (int i = 0; i < adapter.getCount(); i++) {
                        listItems.add(adapter.getItem(\underline{i}));\\
                    String selectedItem = listItems.get(position);
                    String[] parts = selectedItem.split( regex "\n");
                    if (parts.length ≥ 2) {
                        String deviceName = parts[0];
                        String deviceAddress = parts[1];
                       BluetoothDevice selectedDevice = bluetoothAdapter.getRemoteDevice(deviceAddress);
                        new AlertDialog.Builder( context MainActivity.this)
                                .setTitle("Confirm")
                                .setMessage(deviceName + " unpair?")
                                .setPositiveButton( text "Yes", new DialogInterface.OnClickListener() {
                                    public void onClick(DialogInterface dialogInterface, int i) {
                                        unpairDevice(selectedDevice);
                                        Toast.makeText(getApplicationContext(), text deviceName + "\n" + deviceAddress + " unpaired", Toast.LENGTH_SHORT).show();
                                }).setNegativeButton( text "No", listener null).show();
                    isLongPress = false; // Đặt lại trạng thái long press
               }}}, LONG_PRESS_DURATION);
        return true; // Trả về true để ngăn sự kiện click ngắn xảy ra sau khi long press
});
```

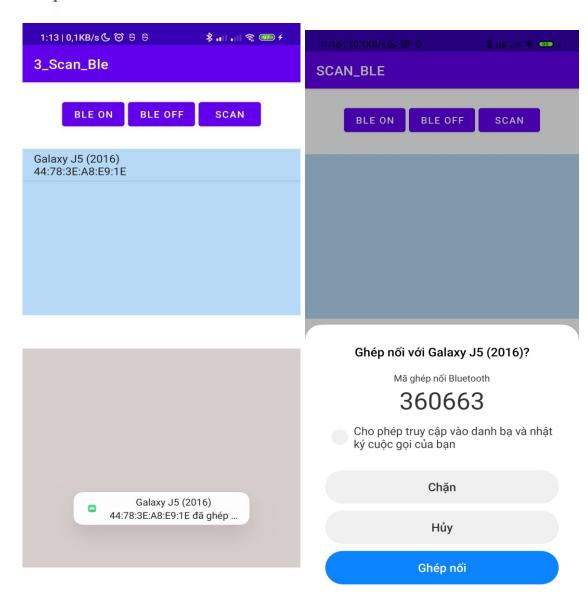
- Thao tác các phần tử hiển thị trên **ScanListview** chứa các thiết bị chưa pair để thực hiện ghép đôi

```
scanListview.setOnItemClickListener(new AdapterView.OnItemClickListener() {
   public void onItemClick(AdapterView<?> adapterView, View view, int position, long l) {
       String selectedItem = stringArrayList.get(position);
       String[] parts = selectedItem.split( regex: "\n");
       if (parts.length ≥ 2) {
          String deviceName = parts[0];
           String deviceAddress = parts[1];
           BluetoothDevice selectedDevice = null:
           Set<BluetoothDevice> pairedDevices = bluetoothAdapter.getBondedDevices();
           boolean foundInPairedDevices = false;
           for (BluetoothDevice device : pairedDevices) {
               if (device.getName().equals(deviceName) && device.getAddress().equals(deviceAddress)) {
                   foundInPairedDevices = true;
           if (!foundInPairedDevices) {
               // Thiết bị chưa được pair, thực hiện pair
                   selectedDevice = bluetoothAdapter.getRemoteDevice(deviceAddress);
                   if (selectedDevice ≠ null) {
                       BluetoothDevice finalSelectedDevice = <u>selectedDevice</u>;
                       new AlertDialog.Builder( context: MainActivity.this)
                               .setTitle("Confirm")
                               .setMessage(deviceName + " can be pair???")
                               .setPositiveButton( text: "Yes", new DialogInterface.OnClickListener() {
                                   public void onClick(DialogInterface dialogInterface, int i) {
                                       @SuppressLint("MissingPermission") boolean paired = finalSelectedDevice.createBond():
                                       if (!paired) {
                                           Toast.makeText(getApplicationContext(), text: deviceName + "\n" + deviceAddress + " unpaired", Toast.LENGTH_SHORT).show();
                               .setNegativeButton( text: "No", listener: null).show();
                   } else {
                       Toast.makeText(getApplicationContext(), text: "Cannot find " + deviceName, Toast.LENGTH_SHORT).show();
               } catch (Exception e) {
                   e.printStackTrace();
                   Toast.makeText(getApplicationContext(), text: "Error paired" + deviceName, Toast.LENGTH_SHORT).show();
                                        // Thiết bị đã được pair
               Toast.makeText(getApplicationContext(), text: deviceName + " paired", Toast.LENGTH_SHORT).show();
```

Tiếp tục lập trình hàm auto refresh list thiết bị ở trong luồng chính MainActivity.java:

```
Handler autoRefreshHandler = new Handler();
Runnable autoRefreshRunnable = new Runnable() {
    @Override
    public void run() {
        showBLEconnect();
        // Lên lịch để tự động làm mới lại sau khoảng thời gian
        autoRefreshHandler.postDelayed(r. this, delayMillis: 1000);
    }
};
autoRefreshHandler.postDelayed(autoRefreshRunnable, delayMillis: 1000);
```

Kết quả



Phần III: Lập trình truyền nhận qua bluetooth: Trong Bluetooth.java, khai báo các thư viên:

```
import android.annotation.SuppressLint;
import android.bluetooth.BluetoothAdapter;
import android.bluetooth.BluetoothDevice;
import android.bluetooth.BluetoothManager;
import android.bluetooth.BluetoothSocket;
import android.content.Context;
import android.os.Build;
import android.os.Bundle;
import android.os. Handler;
import android.view.View;
import android.widget.Button;
import android.widget.EditText;
import android.widget.TextView;
import android.widget.Toast;
import java.io.IOException;
import java.io.InputStream;
import java.io.InputStreamReader;
import java.io.OutputStream;
import java.nio.charset.StandardCharsets;
import java.util.LinkedList;
import java.util.UUID;
```

Tiếp theo, lập trình khai báo các đối tượng trong Bluetooth.java:

```
private Button btBack, btSend, btAuto;
EditText edSend;
2 usages
TextView tyReceive:
4 usages
boolean autoSend = false;
4 usages
BluetoothAdapter bluetoothAdapter;
BluetoothSocket bluetoothSocket;
BluetoothManager bluetoothManager;
2 usages
private BluetoothDevice esp32Device:
4 usages
private ConnectedThread connectedThread;
3 usages
private Handler handler = new Handler();
private Runnable autoSendRunnable;
private static final UUID MY_UUID = UUID.fromString( name: "00001101-0000-1000-8000-00805F9B34FB"); // UUID của dịch vụ Serial Port Profile (SPP)
2 usages
String deviceAddress:
4 usages
private LinkedList<String> receivedDataList = new LinkedList♦();
```

Trong onCreate của Bluetooth.java, khai báo các nút nhấn và tương tác:

```
protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
   super.onCreate(savedInstanceState);
   setContentView(R.layout.activity_bluetooth);

   StartPermission.requestBluetoothPermissions(activity: this);

   btBack = findViewById(R.id.btBack);

   btSend = findViewById(R.id.btSend);

   btAuto = findViewById(R.id.btAuto);

   edSend = findViewById(R.id.edSend);

   tvReceive = findViewById(R.id.tvReceive);

   bluetoothManager = (BluetoothManager) getSystemService(Context.BLUETOOTH_SERVICE);

   if (Build.VERSION.SDK_INT \geq 31) bluetoothAdapter = bluetoothManager.getAdapter();
   else bluetoothAdapter = bluetoothAdapter.getDefaultAdapter();
```

Tiếp theo vẫn trong luồng chính của **Bluetooth.java**, hãy lập trình nhận địa chỉ của thiết bị bluetooth từ mainactivity truyền sang.

```
// Lấy địa chỉ Bluetooth từ Intent
deviceAddress = getIntent().getStringExtra( name: "DEVICE_ADDRESS");
esp32Device = bluetoothAdapter.getRemoteDevice(deviceAddress);
```

Ở ngoài luồng chính trong **Bluetooth.java**, tạo hàm hủy Bluetooth khi thoát activity:

```
@Override
protected void onDestroy() {
    super.onDestroy();
    if (bluetoothSocket ≠ null) {
        try {
            bluetoothSocket.close();
        } catch (IOException e) {
            e.printStackTrace();
        }
    }
}
```

Ở ngoài luồng chính trong Bluetooth.java, lập trình class **ConnectedThread** định nghĩa phương thức truyền bluetooth. Cụ thể trong class **ConnectedThread**, tạo ConnectedThread (BluetoothSocket socket):

Vẫn trong class ConnectedThread, tạo hàm addReceivedDataToList () và Write (String data)

```
private void addReceivedDataToList(String data) {

// Kiểm tra xem danh sách có quá 10 phần tử không

if (receivedDataList.size() ≥ 10) {

// Nếu có, loại bỏ phần tử đầu tiên để giữ cho danh sách không vượt quá 10 phần tử receivedDataList.remove(index 0);

}

// Thêm dòng dữ liệu mới vào danh sách receivedDataList.add(data);
}

no usages

void write(String data) {

byte[] msgBuffer = data.getBytes();

try {

outputStream.write(msgBuffer);
} catch (IOException e) {

e.printStackTrace();
}
```

Vẫn trong class ConnectedThread, tạo hàm handleReceivedData ():

 $V{
m \^{a}}{n}$ trong class ${f Connected Thread},$ ${f tao}$ hàm ${\tt Run}$ ():

```
public void run() {
   try {
       InputStreamReader reader = new InputStreamReader(inputStream, StandardCharsets.UTF_8);
       StringBuilder receivedDataBuilder = new StringBuilder();
       char[] buffer = new char[1024];
       int bytesRead;
       while (true) {
            bytesRead = reader.read(buffer);
            if (bytesRead = -1) {
                // Kết thúc dữ liệu, có thể xử lý dữ liệu ở đây nếu cần
                break; }
            receivedDataBuilder.append(buffer, offset: 0, bytesRead);
            // Kiểm tra xem có ký tự kết thúc (ví dụ: '$' hoặc ' ') trong dữ liệu nhận được không
            String receivedData = receivedDataBuilder.toString();
            int newlineIndex = receivedData.indexOf('$');
            // Kiểm tra thêm cho ký tự khoảng trắng
            if (newlineIndex = -1) newlineIndex = receivedData.indexOf(' ');
            if (newlineIndex = -1) newlineIndex = receivedData.indexOf('\n');
            if (newlineIndex = -1) newlineIndex = receivedData.indexOf('\r');
            if (newlineIndex \neq -1) {
                // Nếu có ký tự kết thúc, xử lý dữ liệu trước khi xuống dòng
                handleReceivedData(receivedData.substring(0, newlineIndex));
                // Xóa dữ liệu đã xử lý khỏi StringBuilder
                receivedDataBuilder.delete(0, newlineIndex + 1);
            }
   } catch (IOException e) { e.printStackTrace();
                                                              }
```

Ngoài luồng chính, bổ sung khai báo đối tượng

```
TextView tvReceive;
boolean autoSend = false;
4 usages
BluetoothAdapter bluetoothAdapter;
BluetoothSocket bluetoothSocket;
BluetoothManager bluetoothManager;
private BluetoothDevice esp32Device;
1 usage
private Handler handler = new Handler();
private Runnable autoSendRunnable;
1 usage
private static final UUID MY_UUID = UUID.fromString( name: "00001101-0000-1000-8000-00805F9B34FB"); // UUID cda dich vu Serial Port Profile (SPP)
2 usages
String deviceAddress;
private LinkedList<String> receivedDataList = new LinkedList♦();
3 usages
private ConnectedThread connectedThread;
```

Ở Trong luồng chính trong Bluetooth.java, lập trình kết nối Bluetooth:

```
try {
    bluetoothSocket = esp32Device.createRfcommSocketToServiceRecord(MY_UUID);
    bluetoothSocket.connect();
    connectedThread = new ConnectedThread(bluetoothSocket);
    connectedThread.start();
} catch (IOException e) {
    e.printStackTrace();
    Toast.makeText(context: this, text: "Failed to connect to Bluetooth device", Toast.LENGTH_SHORT).show();
    finish();
}
```

Tiếp tục trong luồng chính trong Bluetooth.java, lập trình kết nối các nút nhấn:

```
btBack.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {
    @Override
    public void onClick(View view) {
        finish(); // Kết thúc Activity và quay lại cửa sổ chính
    }
});
```

Lập trình nút nhấn send và nhận dữ liệu.

```
btSend.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {
    @SuppressLint("MissingPermission")
    @Override
    public void onClick(View view) {
        handler.removeCallbacks(autoSendRunnable);
        autoSend = false;
        connectedThread.write( data: "YourDataToSend" + "\n");
    }
});
```

Lập trình nút nhấn send dữ liệu liên tục:

```
int timeDelay = 100;
autoSendRunnable = new Runnable() {
   @Override
    public void run() {
       if(autoSend)
        { // Gửi dữ liệu tự động
           connectedThread.write( data: "AutoToSend" + "\n");
            // Lập lịch chạy lại Runnable sau 100ms
            handler.postDelayed( r this, timeDelay);
        }
};
btAuto.setOnClickListener(new View.OnClickListener() {
    public void onClick(View view) {
            autoSend = !autoSend;
            // Bắt đầu lập lịch chạy Runnable sau 100ms
            handler.postDelayed(autoSendRunnable, timeDelay);
});
```